

Giải bài tập SGK Địa lí 7:

Bài 1: Dân số

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Dân số, nguồn lao động

- Dân số là tổng số người dân sinh sống trên một lãnh thổ nhất định, được tính ở một thời điểm nhất định.
- Để biết được dân số, nguồn lao động của một địa phương, một nước..., cần phải điều tra dân số.
- Dân số thường được biểu hiện bằng tháp tuổi (tháp dân số).

2. Dân số thế giới tăng nhanh trong thế kỉ XIX và thế kỉ XX.

- Gia tăng dân số tự nhiên của một nơi là số chênh giữa số trẻ sinh ra và số người chết đi trong một năm.
- Gia tăng cơ giới do số người chuyển đi và số người từ nơi khác chuyển đến.
- Gia tăng dân số là tổng số của gia tăng tự nhiên và gia tăng cơ giới.
- Trong nhiều thế kỉ trước, dân số tăng hết sức chậm chạp, do dịch bệnh, đói kém và chiến tranh.
- Dân số thế giới tăng nhanh trong hai thế kỉ XIX và XX nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội và y tế.
- Năm 2001, dân số thế giới đạt 6,16 tỉ người.

3. Sự bùng nổ dân số

- Bùng nổ dân số
- + Xảy ra khi tỉ lệ gia tăng bình quân hàng năm của dân số thế giới đạt 2,1%.
- + Các nước đang phát triển có tỉ lệ gia-tăng dân số tự nhiên cao.

+ Dân số tăng nhanh và đột biến dẫn đến sự bùng nổ dân số ở nhiều nước châu Á, Phi và Mĩ latin.

- Dân số tăng nhanh vượt quá khả năng giải quyết các vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm... đã trở thành gánh nặng đối với các nước có nền kinh tế chậm phát triển.

- Các chính sách dân số và phát triển kinh tế - xã hội đã góp phần hạ thấp tỉ lệ gia tăng dân số ở nhiều nước.

II. GỢI Ý TRẢ LỜI CÂU HỎI GIỮA BÀI

Câu 1 (trang 3 sgk Địa Lí 7). Quan sát hai tháp tuổi ở hình 1.1, cho biết:

- Trong tổng số trẻ em từ khi mới sinh ra cho đến 4 tuổi ở mỗi tháp, ước tính có bao nhiêu bé trai và bao nhiêu bé gái?

- Hình dạng của hai tháp tuổi khác nhau như thế nào? Tháp tuổi có hình dạng như thế nào thì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao?

Trả lời:

Kết quả quan sát hai tháp tuổi ở hình 1.1 cho biết:

- Số bé trai (bên trái) và bé gái (bên phải) của tháp tuổi thứ nhất đều khoảng 5,5 triệu. Ở tháp tuổi thứ hai, có khoảng 4,5 triệu bé trai và gần 5 triệu bé gái.

- Số người trong độ tuổi lao động (tô màu xanh nước biển) ở tháp tuổi thứ hai nhiều hơn về hình dạng ở tháp tuổi thứ nhất.

- Sự khác nhau về hình dạng của hai tháp tuổi.

+ Tháp tuổi thứ nhất có đáy rộng, thân tháp thon dần.

+ Tháp tuổi thứ hai có đáy tháp thu hẹp lại, thân tháp phình rộng ra.

- Tháp tuổi có hình dáng thân rộng, đáy hẹp (như tháp tuổi thứ hai) có số người trong độ tuổi lao động cao.

Câu 2. (trang 4 sgk Địa Lí 7): Quan sát hình 1.2, nhận xét về tình hình tăng dân số thế giới từ đầu thế kỉ XIX đến cuối thế kỉ XX.

Trả lời:

Kết quả quan sát hình 1.2 cho nhận xét sau:

- Từ đầu Công nguyên cho đến thế kỉ XVI, dân số thế giới tăng chậm (vào đầu Công nguyên, dân số thế giới chỉ có khoảng 300 triệu người; đến thế kỉ XVI, tăng gấp đôi, nhưng cùng chưa đến 1 tỉ người).
- Dân số thế giới bắt đầu tăng nhanh từ năm 1804 (1 tỉ người), tăng vọt vào năm 1960 đến năm 1987 (đường biểu diễn gần như dốc đứng).
- Sau đó, dân số thế giới vẫn tiếp tục tăng nhanh.

Câu 3. (trang 5 SGK Địa lí 7): Quan sát, so sánh hai biểu đồ về tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của các nước phát triển và các nước đang phát triển từ năm 1800 đến năm 2000 dưới đây, cho biết: Trong giai đoạn từ năm 1950 đến năm 2000, nhóm nước nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn? Tại sao?

Trả lời:

Kết quả quan sát hình 1.3 và 1.4 cho biết:

- Trong giai đoạn từ năm 1950 đến năm 2000, nhóm nước đang phát triển có tỉ lệ gia tăng dân số cao hơn.
- Nguyên nhân: Nhóm nước đang phát triển có tỉ suất sinh rất cao (nhìn trên biểu đồ, đường xanh thể hiện tỉ suất sinh của các nước đang phát triển luôn ở mức trên 25%, của các nước phát triển - dưới 20%).

III. GỢI Ý THỰC HIỆN CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP CUỐI BÀI

Câu 1. (trang 6 sgk Địa Lí 7): Tháp tuổi cho ta biết những đặc điểm gì của dân số?

Trả lời:

Tháp tuổi cho ta biết:

- Kết cấu theo độ tuổi của dân số: Bao nhiêu người ở từng lớp tuổi và từng nhóm tuổi.
- Kết cấu theo giới tính của dân số: Bao nhiêu nam, nữ ở từng lớp tuổi và từng nhóm tuổi.

Câu 2 (trang 6 sgk Địa Lí 7). Dựa vào bảng tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và sự phân bố dân cư trên thế giới theo các châu lục (trang 6 SGK), hãy cho biết châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số cao nhất và châu lục nào có tỉ lệ gia tăng dân số thấp nhất. Tại sao tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á giảm nhưng tỉ trọng dân số so với toàn thế giới lại tăng.

Trả lời:

- Giai đoạn 1990 - 1995 so với giai đoạn 1950 - 1955, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của châu Phi cao nhất (tăng thêm 0,45%), của Nam Mỹ thấp nhất (giảm đi 0,95%).

- Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của châu Á giảm nhưng tỉ trọng dân số so với toàn thế giới lại tăng, vì:

+ Dân số của châu Á đông (chiếm 55,6% dân số thế giới năm 1950 và 6,5% dân số thế giới năm 1996).

+ Tỉ lệ gia tăng dân số vẫn còn cao (1,53% giai đoạn 1990 - 1995).

Câu 3 (trang 6 sgk Địa Lí 7): Bùng nổ dân số thế giới xảy ra khi nào? Nêu nguyên nhân, hậu quả và phương hướng giải quyết.

Trả lời:

- Bùng nổ dân số xảy ra vào những năm 50 của thế kỉ XX. Vào thời kì này, tỉ lệ gia tăng bình quân hàng năm của dân số thế giới lên đến 2,1 %. Bùng nổ dân số xảy ra chủ yếu ở các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh.

- Nguyên nhân: Do tỉ suất sinh lớn, tỉ suất tử thấp. Trong những năm này, các nước thuộc địa ở châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ y tế làm giảm nhanh tỉ lệ tử vong, trong khi tỉ lệ sinh vẫn còn cao.

- Hậu quả: Gánh nặng cả vấn đề ăn, mặc, ở, học hành, việc làm,... do có nhiều trẻ em và thanh niên.

- Phương hướng giải quyết: Ngăn chặn sự bùng nổ dân số bằng các biện pháp: Kiểm soát sinh đẻ, phát triển giáo dục, cách mạng nông nghiệp và công nghiệp hóa...